

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2021/DS-PT**

Ngày: 21-01-2021

V/v tranh chấp dân sự về
hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn L.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc V
Bà Nguyễn Thị V

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị B – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc T - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14/12/2020; 28/12/2020; 21/01/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 406/2020/TLPT-DS, ngày 28 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 49/2020/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 465/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP xăng dầu P;

Địa chỉ: Tầng 16, 23, 24 Tòa nhà M, số 229 T, P N, quận Đ, T phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Đ - Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang Đ: Ông Nguyễn Văn H - Giám đốc Chi nhánh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H: Ông Hồ M T - Chuyên viên tư vấn Tài chính cá nhân;

Địa chỉ: Số 132-134, đường N, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp,

2. Bị đơn:

2.1. Lê Văn M, sinh năm 1950;

2.2. Tạ Thị P, sinh năm 1957;

Cùng địa chỉ: Số 213, tổ 4, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P là ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1972; Địa chỉ: số 84, tổ 32, khóm 4, phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 29/9/2020).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Lê Thị T G, sinh năm 1993;

3.2. Ông Lê Tấn P, sinh năm 1988;

3.3. Bà Trần Thị Phương T, sinh năm 1992;

3.4. Lê Thị Bích H, sinh năm 1980;

3.5. Lê Thị T T, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Số 213, tổ 4, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị T G và chị Lê Thị T T là ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1972; Địa chỉ: số 84, tổ 32, khóm 4, phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo giấy ủy quyền ngày 26/11/2020).

Người kháng cáo: Ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần xăng dầu P Hồ M T trình bày:**

Vào ngày 29/8/2014, ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P có ký hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) xăng dầu P số 253/2014/HĐHM/NH-TN/PGB-ĐT. Theo nội dung hợp đồng thì Ngân hàng P cho ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Mục đích vay: kinh doanh phân bón. Trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng hai bên ký kết.

Cùng ngày 29/8/2014, hộ ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P có ký hợp đồng thế chấp số 253/2014/HĐTC.CN/PGB-ĐT với Ngân hàng P nội dung thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất, quyền sở hữu (QSH) nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo các Giấy chứng nhận QSD đất sau:

+ Giấy chứng nhận số BL 249544 do Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố C cấp ngày 12/7/2012 đứng tên ông Lê Văn M.

+ Giấy chứng nhận số X590483 do UBND thành phố C cấp ngày 22/8/2003 đứng tên hộ ông Lê Văn M.

+ Giấy chứng nhận số M 241888 do UBND thành phố C cấp ngày 12/9/1999 đứng tên ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P.

Ngân hàng TMCP xăng dầu P đã giải ngân cho ông M và bà P số tiền 850.000.000 đồng theo các khế ước nhận nợ của ông M và bà P ký với Ngân hàng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay thì ông M và bà P đã chậm thực hiện các nghĩa vụ thanh toán vốn và lãi theo hợp đồng hai bên đã ký kết.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P có nghĩa vụ trả nợ gồm: Nợ tiền gốc là 549.999.206 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 09/10/2019 là 176.540.389 đồng, tổng cộng tiền dư nợ gốc cộng lãi là 726.539.595 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi suất phát sinh trong hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn cho đến khi ông M và bà P trả xong nợ cho ngân hàng. Yêu cầu công nhận Hợp đồng thế chấp QSD đất số 253/2014/ HĐTC.CN/PGB-ĐT ngày 29/8/2014 giữa Ngân hàng với ông M và bà P cùng những người liên quan trong hộ để giải quyết, xử lý tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do hộ ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P đứng tên chủ sở hữu, để bảo đảm thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm Ngân hàng yêu cầu ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P trả số tiền vốn (gốc) 289.999.206 đồng và lãi tạm tính đến ngày 04/8/2020 là 229.714.034 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 519.713.240 đồng. Yêu cầu tính lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 253/2014/HĐHM/NH-TN/PGB-ĐT ngày 29-8-2014 kể từ ngày 05/8/2020 đến khi ông M và bà P trả hết nợ cho Ngân hàng. Yêu cầu công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 253/2014/HĐTC.CN/PGB-ĐT ngày 29/8/2014 giữa Ngân hàng với ông M và bà P cùng những người liên quan đã ký trong hợp đồng thế chấp.

*** Bị đơn ông Lê Văn M, bà Tạ Thị P cùng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Hồng T trình bày:**

Ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P thừa nhận có vay của Ngân hàng P số tiền 850.000.000 đồng, có trả được số tiền vốn gốc nhiều lần còn nợ lại 549.999.206 đồng và lãi 176.540.389 đồng. Ông M, bà P đồng ý trả số vốn gốc cho Ngân hàng và không đồng ý trả lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Hồng T cho rằng: Ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P trả rất nhiều tiền vốn và lãi nhưng Ngân hàng xuất phiếu thu tiền không thể hiện rõ là thu lãi hay thu gốc nên ông bà không biết đã trả được bao nhiêu và các phiếu thu do Ngân hàng xuất cho ông M, bà P không khớp với số tiền đã trả. Mặt khác, Ngân hàng không xuất trình cho Tòa án các phiếu thu của Ngân hàng trong hồ sơ nên không đồng ý trả lãi tiếp mà chỉ đồng ý trả vốn. Về hợp đồng thế chấp thì bị đơn không có ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 49/2020/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP xăng dầu P.

1.1. Buộc ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP xăng dầu P số tiền vốn (gốc) là 289.999.206 đồng và lãi tạm tính đến ngày 21/8/2020 là 229.714.034 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 519.713.240 đồng (Năm trăm mười chín triệu bảy trăm mười ba nghìn hai trăm bốn mươi đồng).

1.2. Ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P tiếp tục trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 253/2014/HĐHM/NH-TN/PGB-ĐT ngày 29/8/2014 kể từ ngày 22/8/2020 đến khi ông M và bà P trả hết nợ cho ngân hàng.

1.3. Công nhận Hợp đồng thế chấp QSD đất số 253/2014/HĐTC.CN/PGB-ĐT ngày 29/8/2014 giữa Ngân hàng với ông M và bà P cùng những người liên quan trong hợp đồng thế chấp gồm các giấy chứng nhận QSD đất: Giấy chứng nhận số BL 249544 do UBND thành phố C cấp ngày 12/7/2012 đứng tên ông Lê Văn M; Giấy chứng nhận số X 590483 do UBND thành phố C cấp ngày 22/8/2003 đứng tên hộ ông Lê Văn M; Giấy chứng nhận số M 241888 do UBND thành phố C cấp ngày 12/9/1999 đứng tên ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P.

Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực ông M và bà P không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P để thu hồi nợ.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Tổng chi phí thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng, Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi xong do đó ông M, bà P phải nộp lại 800.000 đồng để trả lại cho Ngân hàng TMCP xăng dầu P.

3. Về án phí:

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP xăng dầu P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.787.000 đồng theo biên lai số 0008856 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

- Ông M và bà P là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Lê Thị T G, Lê Tấn P, Trần Thị Phương T, Lê Thị Bích H, Lê Thị T T liên đới nộp 300.000 đồng án phí công nhận hợp đồng thế chấp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24 tháng 8 năm 2020, ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P là bị đơn đã kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 49/2020/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P là ông Nguyễn Hồng T trình bày: ông M, bà P kháng cáo hai nội dung cơ bản đối với bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết: Một là, xem xét lại lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn mà Ngân hàng TMCP xăng dầu P buộc ông M, bà P phải trả là không phù hợp; Hai là, xem xét lại hiệu lực của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 253/2014/ HĐTC.CN/PGB-ĐT ngày

29/8/2014 do theo Giấy chứng nhận QSD đất số X 590483 do UBND thành phố C cấp ngày 22/8/2003 đứng tên hộ ông Lê Văn M nhưng không có thành viên hộ là chị Lê Thị Bích H và chị Lê Thị T T ký tên.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP xăng dầu P là ông Hồ M T trình bày: Không thống nhất theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P. Ngân hàng yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm do Ngân hàng chỉ tính lãi trong hạn và lãi quá hạn đối với ông M, bà P mà không tính lãi phạt thể hiện theo Bảng kê tính lãi ngày 05/8/2020 và ngày 21/8/2020 mà Ngân hàng đã gửi cho Tòa án đồng thời Ngân hàng cũng thống nhất việc công nhận hiệu lực của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 253/2014/ HĐTC.CN/PGB-ĐT ngày 29/8/2014 giữa Ngân hàng với ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P cùng những người liên quan chị Lê Thị T G, anh Lê Tấn P và chị Trần Thị Phương T có ký tên vào Hợp đồng thế chấp, mà không có yêu cầu đối với chị Lê Thị Bích H và chị Lê Thị T T do tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp thì chị H và chị T không có tên trong hộ khẩu đồng thời ông M, bà P cũng không nêu ra T viên hộ còn có chị H và chị T. Ngoài ra Ngân hàng cũng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh bản án sơ thẩm về thời gian tính lãi là đến ngày 04/8/2020 chứ không phải là ngày 21/8/2020, do bị nhầm lẫn về thời gian khi phiên tòa sơ thẩm mở ngày 05/8/2020 sau đó tạm ngừng đến ngày 21/8/2020 mới tuyên án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 76, 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P ngày 24/8/2020 đúng thời hạn được quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự về đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo, nên được xem xét hợp lệ để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần nội dung đơn kháng cáo của ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2020/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C do bản án sơ thẩm tuyên tính lãi đến ngày 21/8/2020 là chưa phù hợp với Bảng kê tính lãi của Ngân hàng TMCP xăng dầu P ngày 05/8/2020 và tuyên về án phí liên quan đến hợp đồng thế chấp là chưa phù hợp, nên cần sửa án sơ thẩm về ngày tính lãi và phần án phí nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P không thống nhất bản án dân sự sơ thẩm số 49/2020/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C nên đã kháng cáo. Việc ông M và bà P nộp đơn kháng cáo ngày 24/8/2020 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như chị Trần Thị Phương T vắng mặt đến lần thứ hai sau khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Giữa Ngân hàng TMCP xăng dầu P (hay còn gọi là Ngân hàng) và ông Lê Văn M, bà Tạ Thị P (hay còn gọi là các bên) có ký kết hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số 253/2014/HĐHM/ NH-TN/PGB-ĐT ngày 29/8/2014 (hay còn gọi là Hợp đồng tín dụng). Theo nội dung Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng cho ông M và bà P vay số tiền 1.000.000.000 đồng; Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng; Mục đích vay: kinh doanh phân bón; Trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng hai bên ký kết. Sau đó ông M, bà P và các con là chị Lê Thị T G, anh Lê Tấn P và chị Trần Thị Phương T đã tham gia ký vào hợp đồng thế chấp số 253/2014/HĐTC.CN/PGB-ĐT ngày 29/8/2014 (hay còn gọi là Hợp đồng thế chấp) với Ngân hàng, với nội dung thế chấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông M, bà P và hộ ông M. Ngân hàng đã giải ngân cho ông M và bà P số tiền 850.000.000 đồng theo các khế ước nhận nợ của ông M và bà P ký với Ngân hàng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông M và bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng các bên đã ký kết nên phát sinh tranh chấp.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP xăng dầu P là có cơ sở. Bởi lẽ, căn cứ vào Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên và các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở chứng M số tiền vay mà ông M và bà P còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 04/8/2020 là 519.713.240 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 289.999.206 đồng và tiền lãi là 229.714.034 đồng. Tuy nhiên việc Tòa án cấp

sơ thẩm xác định số tiền nêu trên mà ông M và bà P còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 21/8/2020 là không chính xác mà cần điều chỉnh về thời gian là tính đến ngày 04/8/2020 (thể hiện theo Bảng kê tính lãi của Ngân hàng ngày 05/8/2020 và tại bút lục số 127-128). Ngoài ra việc Tòa án cấp sơ thẩm công nhận hiệu lực của Hợp đồng thế chấp là có cơ sở, vì Hợp đồng thế chấp đã được các bên ký kết trên cơ sở tuân thủ nội dung và hình thức của hợp đồng theo quy định tại Điều 122 và Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2005. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng cũng thống nhất việc chỉ công nhận Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật giữa Ngân hàng với những người có tham gia ký kết hợp đồng như ông Lê Văn M, bà Tạ Thị P và những người liên quan chị Lê Thị T G, anh Lê Tấn P và chị Trần Thị Phương T, mà không có yêu cầu đối với chị Lê Thị Bích H và chị Lê Thị T T, nên không P sinh quyền và nghĩa vụ của chị H và chị T theo Hợp đồng thế chấp. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên rõ công nhận hiệu lực Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng với ông M và bà P cùng những người liên quan cụ thể là chị Lê Thị T G, anh Lê Tấn P, chị Trần Thị Phương T là thiếu sót. Đối với chị Lê Bích H và chị Lê Thị T T không tham gia ký kết Hợp đồng thế chấp nên không ràng buộc nghĩa vụ của chị H và chị T theo hợp đồng.

[4] Từ cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của ông M, bà P như nêu trên là không có căn cứ. Vì ông M, bà P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở. Việc ông M, bà P cho rằng đã trả rất nhiều tiền vốn và lãi cho Ngân hàng nhưng Ngân hàng xuất phiếu thu tiền không thể hiện rõ là thu lãi hay thu gốc nên ông bà không biết đã trả được bao nhiêu và các phiếu thu do Ngân hàng xuất cho ông, bà không khớp với số tiền đã trả nên không đồng ý trả lãi mà chỉ đồng ý trả vốn (gốc). Tuy nhiên tại Tòa án cấp phúc thẩm thì ông M, bà P đã được đối chiếu các phiếu thu tiền với Ngân hàng và đã thống nhất các phiếu thu của Ngân hàng tương ứng với số tiền mà ông M, bà P đã nộp và thống nhất số tiền còn nợ gốc là 289.999.206 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thu tiền vay vốn và lãi của Ngân hàng có xuất hóa đơn (Giấy nộp tiền) theo đúng quy định, phù hợp với Bảng kê tính lãi của Ngân hàng và sự thừa nhận của bị đơn đối với số tiền đã nộp cho Ngân hàng; Việc khấu trừ số tiền ông M, bà P đã nộp vào khoản nợ vay gốc và nợ lãi là trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên và theo quy định của Hợp đồng tín dụng. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của ông M, bà P.

[5] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có một phần cơ sở và phù hợp pháp luật nên được xem xét giải quyết. Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm của chị Lê Thị T G, anh Lê Tấn P, chị Trần Thị Phương T liên đới nộp 300.000 đồng án phí công nhận Hợp đồng thế chấp là có cơ sở, riêng việc buộc chị Lê Bích H và chị Lê Thị T T cùng liên đới chịu án phí

sơ thẩm là không phù hợp, vì chị H, chị T không tham gia ký kết Hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên, xét thấy sau khi xét xử sơ thẩm thì chị H và chị T đã không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, đồng thời số tiền án phí sơ thẩm mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu là không lớn, nên không cần thiết phải sửa án sơ thẩm về nội dung này nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về các sai sót như đã nêu trên.

[4] Từ cơ sở trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P, tuy nhiên cần điều chỉnh bản án sơ thẩm về các nội dung như đã nêu trên, điều luật áp dụng nhằm đảm bảo việc thi hành án.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P được miễn do ông M, bà P thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P;
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 296 và Điều 304 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 122, 124, 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91 và Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP xăng dầu P.

- Buộc ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP xăng dầu P số tiền vốn (gốc) là 289.999.206 đồng và lãi tạm tính đến ngày 04/8/2020 là 229.714.034 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 519.713.240 đồng (năm trăm mười chín triệu, bảy trăm mười ba nghìn hai trăm bốn mươi đồng).

- Ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số 253/2014/HĐHM/NH-TN/PGB-ĐT ngày

29/8/2014 kể từ ngày 05/8/2020 cho đến khi ông M và bà P trả hết nợ cho Ngân hàng.

- Công nhận hiệu lực của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 253/2014/HĐTC.CN/PGB-ĐT ngày 29/8/2014 giữa Ngân hàng TMCP xăng dầu P với ông Lê Văn M, bà Tạ Thị P cùng những người liên quan như chị Lê Thị T G, anh Lê Tấn P và chị Trần Thị Phương T. Tài sản thế chấp gồm các giấy chứng nhận QSD đất: Giấy chứng nhận số BL 249544 do UBND thành phố C cấp ngày 12/7/2012 đứng tên ông Lê Văn M; Giấy chứng nhận số X 590483 do UBND thành phố C cấp ngày 22/8/2003 đứng tên hộ ông Lê Văn M; Giấy chứng nhận số M 241888 do UBND thành phố C cấp ngày 12/9/1999 đứng tên ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P.

Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực mà ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P không trả nợ hoặc không trả đủ nợ cho Ngân hàng TMCP xăng dầu P thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 253/2014/ HĐTC.CN/PGB-ĐT ngày 29/8/2014 để thu hồi nợ.

Trong trường hợp ông M, bà P đã trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP xăng dầu P mà không phải xử lý tài sản bảo đảm thì Ngân hàng có nghĩa vụ thực hiện thủ tục giải chấp và hoàn trả lại cho ông M, bà P tài sản đã thế chấp.

2.2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng, do Ngân hàng TMCP xăng dầu P đã nộp tạm ứng và đã chi xong, do đó ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P có nghĩa vụ phải nộp lại 800.000 đồng để trả lại cho Ngân hàng.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Lê Thị T G, anh Lê Tấn P, chị Trần Thị Phương T liên đới nộp 300.000 đồng án phí công nhận Hợp đồng thế chấp.

- Ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.787.000 đồng, theo biên lai số 0008856 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm

Ông Lê Văn M và bà Tạ Thị P được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP C;
- Chi cục THADS TP C;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Ngọc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tấn L